

## KẾT QUẢ KINH DOANH

|          |            |         |         |
|----------|------------|---------|---------|
| Ngày     | 31/12/2024 |         |         |
|          | 9,600 VNĐ  |         |         |
| Thay đổi | 1 tháng    | 3 tháng | 6 tháng |
|          | 20.0%      | 21.5%   | 128.6   |

|          |      |        |                         |
|----------|------|--------|-------------------------|
| DT thuần | 2024 | 833    | YoY<br>▲ 36.0<br>▲ 4.5% |
|          |      | tỷ VNĐ |                         |

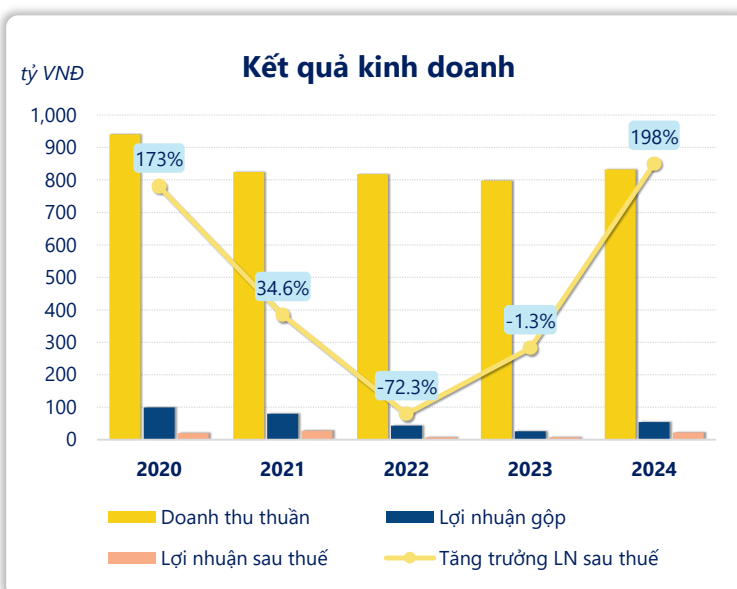
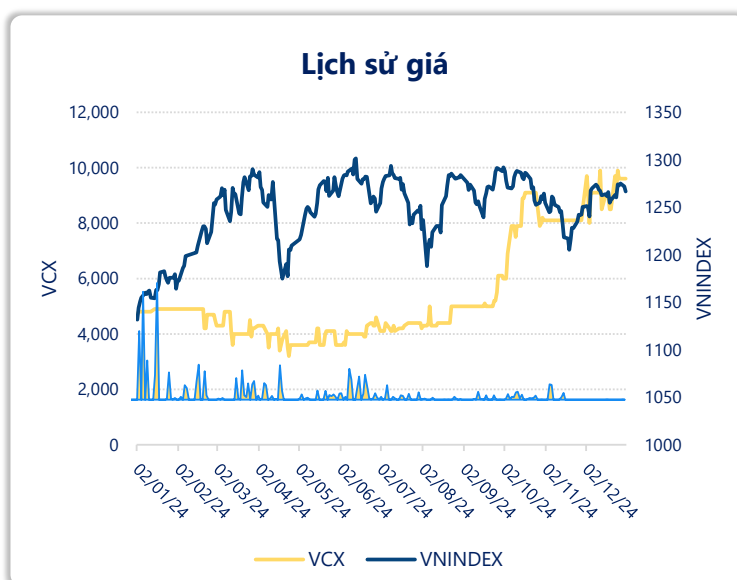
|        |      |        |                         |
|--------|------|--------|-------------------------|
| LN gộp | 2024 | 54.6   | YoY<br>▲ 28.7<br>▲ 110% |
|        |      | tỷ VNĐ |                         |

|          |      |        |                         |
|----------|------|--------|-------------------------|
| LN thuần | 2024 | 27.4   | YoY<br>▲ 32.1<br>▲ 686% |
|          |      | tỷ VNĐ |                         |

|             |      |        |                         |
|-------------|------|--------|-------------------------|
| LN sau thuế | 2024 | 22.2   | YoY<br>▲ 14.7<br>▲ 198% |
|             |      | tỷ VNĐ |                         |

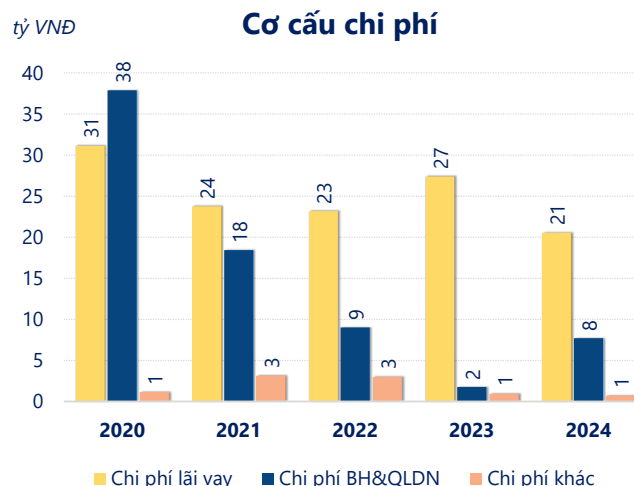
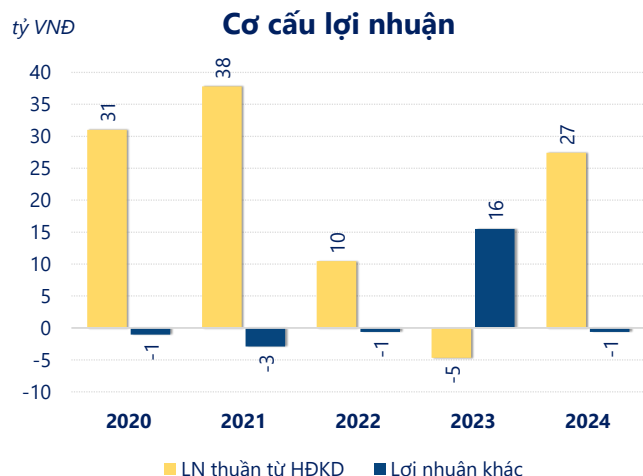
|     |      |      |                   |
|-----|------|------|-------------------|
| ROE | 2024 | 9.8% | +/- YoY<br>▲ 6.3% |
|-----|------|------|-------------------|

|     |      |      |                   |
|-----|------|------|-------------------|
| ROA | 2024 | 3.8% | +/- YoY<br>▲ 2.5% |
|-----|------|------|-------------------|



Kết quả kinh doanh **VCX** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **833.0** tỷ đồng **tăng 4.48%**, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 198%** đạt **22.24** tỷ đồng.

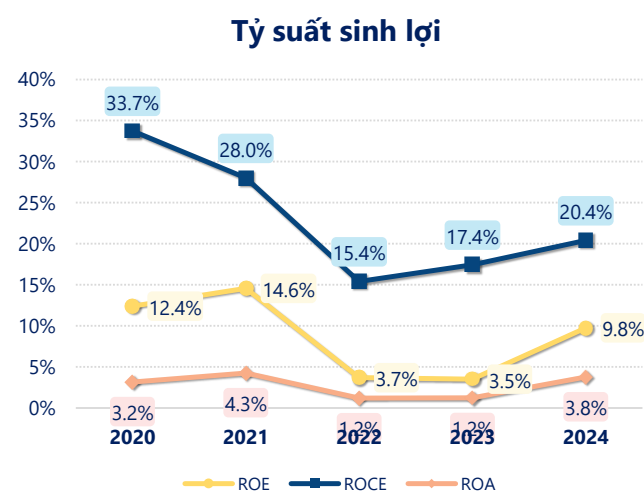
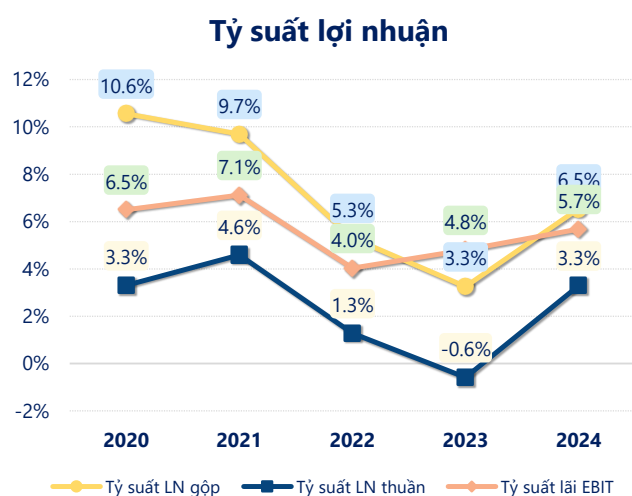
Công ty có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, với **ROE** đạt **9.76%**. Là một tín hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn.



Năm **2024**, **VCX** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **27.41** tỷ đồng, **tăng lên 32.08** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (20.40 tỷ đồng) là 7.00 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

**Chi phí lãi vay giảm xuống** so với năm trước, còn **20.53** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **7.69** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác bằng 0.73** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

**ROE** của VCX năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **9.76%**, **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.



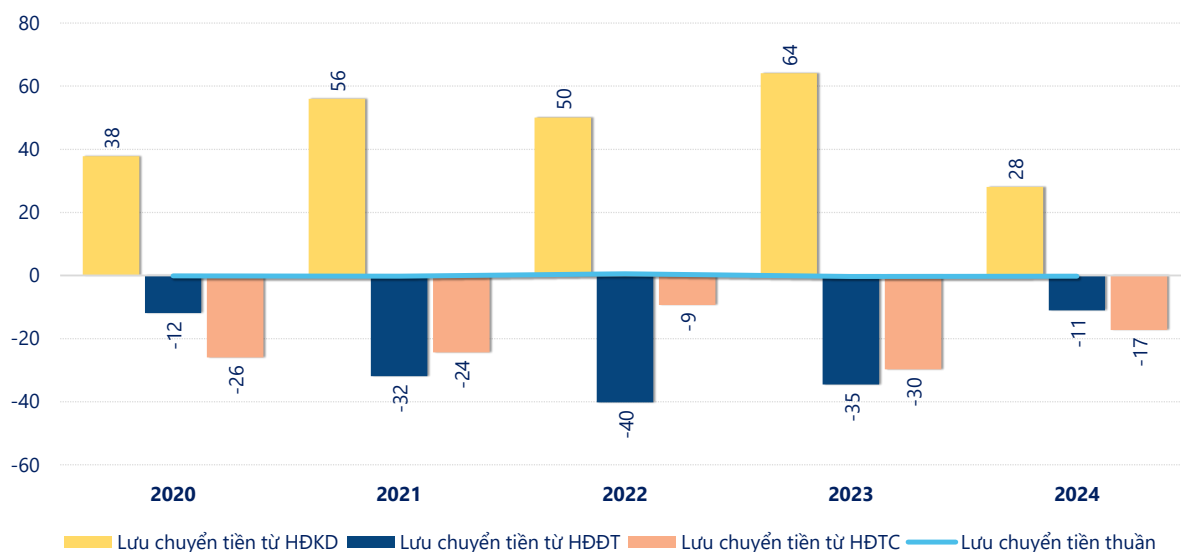
## KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

|                           | 2020        | 2021        | 2022        | 2023         | 2024        |
|---------------------------|-------------|-------------|-------------|--------------|-------------|
| <b>Doanh thu thuần</b>    | <b>940</b>  | <b>825</b>  | <b>818</b>  | <b>797</b>   | <b>833</b>  |
| Giá vốn hàng bán          | 841         | 745         | 775         | 771          | 778         |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>      | <b>99.2</b> | <b>80.0</b> | <b>43.4</b> | <b>25.9</b>  | <b>54.6</b> |
| Doanh thu HĐTC            | 0.50        | 0.37        | 0.16        | 0.01         | 0.01        |
| Chi phí TC                | 30.9        | 24.1        | 24.1        | 28.9         | 19.5        |
| <b>Chi phí lãi vay</b>    | <b>31.1</b> | <b>23.8</b> | <b>23.2</b> | <b>27.4</b>  | <b>20.5</b> |
| LN trong công ty LKLD     | 0           | 0           | 0           | 0            | 0           |
| Chi phí bán hàng          | 17.1        | 8.64        | 2.63        | 1.28         | 1.02        |
| Chi phí QLDN              | 20.8        | 9.80        | 6.38        | 0.48         | 6.66        |
| <b>LN thuần từ HĐKD</b>   | <b>31.0</b> | <b>37.8</b> | <b>10.4</b> | <b>-4.68</b> | <b>27.4</b> |
| Lợi nhuận khác            | -1.02       | -2.90       | -0.62       | 15.5         | -0.62       |
| <b>LN trước thuế</b>      | <b>30.0</b> | <b>34.9</b> | <b>9.82</b> | <b>10.8</b>  | <b>26.8</b> |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b> | <b>20.3</b> | <b>27.4</b> | <b>7.57</b> | <b>7.47</b>  | <b>22.2</b> |
| <b>LNST của CĐ cty mẹ</b> | <b>20.3</b> | <b>27.4</b> | <b>7.57</b> | <b>7.47</b>  | <b>22.2</b> |

tỷ VNĐ

## Lưu chuyển tiền



**Lưu chuyển tiền thuần** năm 2024 của VCX bằng **-0.26** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-0.32 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **28.10** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-11.08** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-17.28** tỷ đồng.